**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 14a/BTP/HTQTCT/HT/HTK**

**Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác tại Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

\* Biểu mẫu số 14a/BTP/HTQTCT/HT/HTKphản ánh tình hình giải quyết các việc hộ tịch khác bao gồm: đăng ký giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại UBND xã/phường/thị trấn.

\* Giải thích thuật ngữ:

- Giám hộ: là số các trường hợp đăng ký việc giám hộ, đăng ký việc chấm dứt, thay đổi việc giám hộ tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Nhận cha, mẹ, con: là số các trường hợp đã đăng ký việc nhận cha, mẹ, con tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch (khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Bổ sung thông tin hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký (khoản 13 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác: là số các trường hợp được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích không phải đăng ký kết hôn.

**2. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu về việc thay đổi, cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; nhận cha, mẹ, con; giám hộ, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác tại UBND cấp xã.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 14b/BTP/HTQTCT/HT/HTK**

**Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác trên địa bàn huyện**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

\* Biểu số 14b/BTP/HTQTCT/HT/HTKphản ánh tình hình đăng ký các việc hộ tịch khác bao gồm: các việc đăng ký giám hộ; đăng ký nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc; ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp huyện); đăng ký giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại tất cả các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn huyện.

\*. Giải thích thuật ngữ:

- Giám hộ: là số các trường hợp đăng ký việc giám hộ, đăng ký việc chấm dứt, thay đổi việc giám hộ tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện.

- Nhận cha, mẹ, con: là số các trường hợp đăng ký việc nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện.

- Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch (khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Bổ sung thông tin hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký (khoản 13 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Xác định lại dân tộc: là các trường hợp đăng ký xác định lại dân tộc tại UBND cấp huyện.

- Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác: là số trường hợp ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; xác định lại giới tính; nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; công nhận giám hộ; tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thực hiện tại UBND cấp xã.

- Ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: là số trường hợp ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; nuôi con nuôi; kết hôn; Ly hôn/hủy việc kết hôn và các thay đổi hộ tịch khác (giám hộ; nhận, cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; khai tử) thực hiện tại UBND cấp huyện.

- Địa bàn huyện được hiểu là địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

**2. Cách ghi biểu**

- Mục II: Dòng “Tên xã…” cột A: Lần lượt ghi tên của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện (liệt kê đầy đủ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn).

**3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu về việc đăng ký giám hộ; đăng ký nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc, ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại UBND cấp huyện và tổng hợp từ biểu mẫu số 14a/BTP/HTQTCT/HT/HTK.

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 14c/BTP/HTQTCT/HT/HTK**

**Kết quả đăng ký các việc hộ tịch khác trên địa bàn tỉnh**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

\* Biểu mẫu số 14c/BTP/HTQTCT/HT/HTKphản ánh tình hình đăng ký các việc hộ tịch khác bao gồm: các việc đăng ký giám hộ; đăng ký nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc; ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp huyện); đăng ký giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại tất cả các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

\* Giải thích thuật ngữ:

- Giám hộ: là số các trường hợp đăng ký việc giám hộ, đăng ký việc chấm dứt, thay đổi việc giám hộ tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện.

- Nhận cha, mẹ, con: là số các trường hợp đăng ký việc nhận cha, mẹ, con tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện.

- Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 4 Luật hộ tịch).

Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch (khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch).

Bổ sung thông tin hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký (khoản 13 Điều 4 Luật hộ tịch).

- Xác định lại dân tộc: là các trường hợp đăng ký xác định lại dân tộc tại UBND cấp huyện.

- Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác: là số trường hợp ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; xác định lại giới tính; nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; công nhận giám hộ; tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thực hiện tại UBND cấp xã.

- Ghi vào sổ việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: là số trường hợp ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; nuôi con nuôi; kết hôn; Ly hộ/hủy việc kết hôn và các thay đổi hộ tịch khác (giám hộ; nhận, cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch; khai tử) thực hiện tại UBND cấp huyện

**2. Cách ghi biểu**

- Mục I. Tổng hợp số liệu giải quyết các việc hộ tịch khác thực hiện tại các UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh trong kỳ báo cáo.

- Mục II. Tổng hợp số liệu giải quyết các việc hộ tịch khác thực hiện tại các UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong kỳ báo cáo

- Dòng “Tên huyện…” tại cột A: Ghi tên của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương trên địa bàn tỉnh (liệt kê đầy đủ các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trên địa bàn).

**3. Nguồn số liệu**

Tổng hợp từ biểu mẫu số 14b/BTP/HCTP/HT/HTK.